

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 22.3.2023

VÔ SANH VÔ TỬ VÔ KHỬ LAI
Kinh Tư Niệm III (Tatīyacetanāsuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên

Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - Phẩm Kalāra – Vị Sát Đế Lý (S. ii, 66)

Theo Phật Pháp thì tâm thái trong giờ phút lâm chung đóng vai trò quyết định cho cảnh giới tái sanh. Chính vì vậy tư niệm thiện rất quan trọng cho sự sanh vào cảnh giới an lạc. Người hiểu Phật Pháp luôn cố gắng từ bỏ những ác niệm hay tư niệm phiền não vì nếu cái chết đến đột ngột thì cõi tái sanh không phải cảnh giới an lạc. Tất nhiên cứu cánh của đệ tử Phật không là sự tầm cầu sanh tử ở bất cứ chốn nào trong tam giới. Hiểu rõ ráo là khi vô minh và ái dục đoạn tận thì trầm luân sanh tử không còn. Điểm tế nhị này chỉ có thể cảm nhận quan sự hiểu biết về duyên khởi của toàn bộ khổ uẩn.



Kinh Văn

Sāvattīyaṃ viharati...pe... “yañca, bhikkhave, ceteti yañca pakappeti yañca anuseti ārammaṇametam hoti viññāṇassa ʈitīyā. Ārammaṇe sati patīṭṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patīṭṭhite viññāṇe virūḷhe nati hoti. Natiyā sati āgatigati hoti. Āgatigatiyā sati cutūpapāto hoti. Cutūpapāte sati āyatim jātijarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”.

Ngự ở Sāvattī.

-- Đây chư Tỳ Khuru, cái gì một người tư niệm, tư lường, có khuynh hướng tiềm ẩn nào thì cái đó trở thành cơ sở cho thức được thiết lập. Khi thức được thiết lập và tăng trưởng thì có thiên chấp. Có thiên chấp thì có khứ lai. Có khứ lai thì có tử sanh. Có tử sanh, có tái sanh thì có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

“No ce, bhikkhave, ceteti no ce pakappeti atha ce anuseti, ārammaṇametam hoti viññāṇassa ṭhitiyā. Ārammaṇe sati patitṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patitṭhite viññāṇe virūḷhe nati hoti. Natiyā sati āgatigati hoti. Āgatigatiyā sati cutūpapāto hoti. Cutūpapāte sati āyatim jātijarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

-- Nay chur Tỳ Khuru, một người không có tư niệm, không có tư lường, nhưng có khuynh hướng tiềm ẩn nào thì vẫn có cơ sở cho thức được thiết lập. Khi thức được thiết lập và tăng trưởng thì có thiên chấp. Có thiên chấp thì có khứ lai. Có khứ lai thì có tử sanh. Có tử sanh, có tái sanh thì có già chết, sâu, bi, khổ, ưu, ai sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

“Yato ca kho, bhikkhave, no ceva ceteti no ca pakappeti no ca anuseti, ārammaṇametam na hoti viññāṇassa ṭhitiyā. Ārammaṇe asati patitṭhā viññāṇassa na hoti. Tadappatitṭhite viññāṇe avirūḷhe nati na hoti. Natiyā asati āgatigati na hoti. Āgatigatiyā asati cutūpapāto na hoti. Cutūpapāte asati āyatim jāti jarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”ti. Dasamaṃ.

-- Nay chur Tỳ Khuru, một người không có tư niệm, không có tư lường, không khuynh hướng tiềm ẩn thì không cơ sở cho thức được thiết lập. Khi thức không được thiết lập và tăng trưởng thì không có khuynh hướng. Không có khuynh hướng thì không có khứ lai. Không có khứ lai thì không có tử sanh. Không có tử sanh, không có tái sanh thì không có già chết, sâu, bi, khổ, ưu, ai sanh khởi. Như vậy là sự chấm dứt của toàn bộ khổ uẩn này.

Chú Thích

Bài kinh này, cũng giống như hai bài kinh trước, duyên sinh được khởi từ tư niệm trong chi hành và kết thúc với sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn. Tuy vậy phần ở giữa lại đặc biệt đề cập đến những gì xảy ra trong dòng tâm thức ở giây phút cận tử.

Theo Sớ Giải chữ nati – thiên chấp – là sự nghiêng nặng hay thiên về là khuynh hướng đặt nặng cái gì đó (namanatṭhena) như hướng tới điều mình thích hay mong muốn.

Cũng theo Sớ Giải thì cụm từ āgatigati - khứ lai – chỉ cho ba hiện tượng làm cảnh của giòng tâm thức cận tử là nghiệp, nghiệp tướng, và thú tướng.

Cụm từ cutūpapāte (cutu + upapāte) – chết và tái sinh ở đây chỉ cho sự kết thúc một kiếp sống rồi tái sinh vào kiếp kế tiếp.

Tỳ khuru Giác Đăng soạn dịch

10. Tatiyacetanāsuttam

40. Sāvattḥiyam viharati...pe... “yañca, bhikkhave, ceteti yañca pakappeti yañca anuseti ārammaṇametam hoti viññāṇassa tḥitiyā. Ārammaṇe sati patiṭṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patiṭṭhite viññāṇe virūlḥe nati hoti. Natiyā sati āgatigati hoti. Āgatigatiyā sati cutūpapāto hoti. Cutūpapāte sati āyatim jātijarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti”.

“No ce, bhikkhave, ceteti no ce pakappeti atha ce anuseti, ārammaṇametam hoti viññāṇassa tḥitiyā. Ārammaṇe sati patiṭṭhā viññāṇassa hoti. Tasmim patiṭṭhite viññāṇe virūlḥe nati hoti. Natiyā sati āgatigati hoti. Āgatigatiyā sati cutūpapāto hoti. Cutūpapāte sati āyatim jātijarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

“Yato ca kho, bhikkhave, no ceva ceteti no ca pakappeti no ca anuseti, ārammaṇametam na hoti viññāṇassa tḥitiyā. Ārammaṇe asati patiṭṭhā viññāṇassa na hoti. Tadappatiṭṭhite viññāṇe avirūlḥe nati na hoti. Natiyā asati āgatigati na hoti. Āgatigatiyā asati cutūpapāto na hoti. Cutūpapāte asati āyatim jāti jarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”’ti. Dasamaṃ.

10. Tatiyacetanāsuttavaṇṇanā

40. Dasame natīti taṇhā. Sā hi piyarūpesu rūpādīsu namanatṭhena “natī”’ti vuccati. **Āgati gati hotīti** āgatimhi gati hoti, āgate paccupaṭṭhite kamme vā kammanimitte vā gahinimitte vā paṭisandhivasena viññāṇassa gati hoti. **Cutūpapātoti** evam viññāṇassa āgate paṭisandhivise gatiyā sati ito cavanasaṅkhātā cuti, tatthūpapattisaṅkhāto upapātoti ayaṃ cutūpapāto nāma hoti. Evaṃ imasmim sutte natiyā ca āgatigatiyā ca antare ekova sandhi kathitoti. Dasamaṃ.